ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 6

MÔN: TIẾNG ANH 4 FAMILY AND FRIENDS

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Choose the odd one out.

(Chọn từ khác loại.)

1.

fly a kite: thả diều

go outside: đi ra ngoài

go to bed: đi ngủ

make a snowman: làm người tuyết

=> Chọn C vì đây là cụm động từ chỉ hoạt động thường ngày, các phương án còn lại đều là những hoạt động dựa theo thời tiết, không phải ngày nào cũng diễn ra.

2.

candle (n): nến

candy (n): kẹo

present (n): món quà

invite (v): mời

=> Chọn D vì đây là động từ, các phương án còn lại đều là những danh từ.

3.

weather (n): thời tiết

hat (n): cái mũ

umbrella (n): cái ô

coat (n): áo khoác

=> Chọn A vì đây là danh từ chỉ chung, các phương án còn lại đều là những danh từ từ chỉ sự vật cụ thể.

4.

rainy (adj): trời mưa

because: bởi vì

snowy (adj): trời tuyết

windy (adj): trời gió

=> Chọn B vì đây là liên từ, các phương án còn lại đều là những tính từ chỉ thời tiết.

5.

go to school: đến trường

have breakfast: ăn sáng

get up: thức dậy

make a snowman: làm người tuyết

=> Chọn D vì đây là hoạt động dựa theo thời tiết, còn các phương án còn lại đều là những hoạt động thường ngày.

II. Choose the correct answer.

(Chọn đáp án đúng.)

1.

Nhận thấy câu hỏi mang nội dung về giờ giấc, vậy nên câu hỏi cũng phải là câu hỏi về giờ với "What time".

What **time** is it? - It's eight o'clock.

(Mấy giờ rồi? - Bây giờ là 8 giờ.)

=> Chọn B

2.

Cấu trúc hỏi về thời tiết: What's the weather like?

What's the weather **like**? - It's sunny.

(Thời tiết thế nào? - Trời nắng.)

=> Chọn C

3.

Đây là câu ở thì hiện tại đơn nên động từ chính trong không thể có đuôi -ing được. => Loại phương án A

Chủ ngữ "We" trong câu này là chủ ngữ số nhiều nên động từ chính trong câu không cần thêm "s". => Loại phương án C

=> Chọn B.

We **don't like** volleyball.

(Chúng tôi không thích môn bóng chuyền.)

4.

Chủ ngữ "He" trong câu là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên động từ chính trong câu cần được chia. Cụ thể, "go" => "goes".

He **goes** to bed at ten o'clock.

(Anh ấy đi ngủ lúc 10 giờ.)

=> Chọn A

5.

is (động từ to be)

and: và

because: bởi vì

Wear a sun hat **because** it's sunny.

(Hãy đội mũ vì trời nắng.)

=> Chọn C

III. Choose the correct words to complete sentences.

(Chọn từ đúng để hoàn thành các câu.)

1.

Câu có chứa chủ ngữ "you" nên trợ động từ cần dùng là "do".

What **do** you like? *(Bạn thích gì?)*

2.

make a snowman: làm người tuyết

Let's **make** a snowman. *(Cùng làm người tuyết đi.)*

3.

Vì động từ chính trong câu (get) được giữ ở dạng nguyên thể nên có thể loại 2 chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít (cần đi kèm động từ chia) là "she" và "he".

We get up at 7 o'clock. *(Chúng tôi thức dậy lúc 7 giờ.)*

4.

Khi đã có sự xuất hiện của trợ động từ (trong câu này là trợ động từ "does") thì động từ chính trong câu giữ ở dạng nguyên thể với tất cả chủ ngữ.

What time does she **go** to bed? *(Cô ấy đi ngủ lúc mấy giờ?)*

5.

Chủ ngữ "we" trong câu là chủ ngữ số nhiều nên khi thành lập câu phủ định, ta sử dụng "do not" hoặc "don't".

We **don't** like oranges. *(Chúng tôi không thích cam.)*

IV. Read and complete. Use the given words/phrases.

(Đọc và hoàn thành. Sử dụng các từ cho sẵn.)

Đoạn văn hoàn chỉnh:

Here is the weather at breakfast time. Put on your (1) **coat** because it's very cold in the morning. It isn't wet at lunch time. It's (2) **sunny** and hot, put on your (3) **sun hat**. Don't put on your hat because it's (4) **windy** in the afternoon. It's a good time to (5) **fly a kite**. Put on the raincoat because it's rainy in the evening.

Tạm dịch:

Đây là bản tin thời tiết vào giờ ăn sáng. Hãy mặc áo khoác vào nhé vì buổi sáng trời rất lạnh. Thời tiết không ẩm ướt vào giờ ăn trưa. Trời sẽ nắng nóng, hãy đội mũ che nắng nhé. Đừng đội mũ vì buổi chiều trời có gió. Đây là thời điểm tốt để thả diều. Hãy mặc áo mưa vào nhé vì buổi tối trời có mưa.

V. Make questions for the answers below.

(Đặt câu hỏi cho những câu trả lời sau.)

1. What do you like? - We like candy.

(Các bạn thích gì? - Chúng tớ thích kẹo.)

2. Do you like cake? - Yes, I do. I like cake.

(Bạn có thích bánh ngọt không? - Tớ có. Tớ thích bánh ngọt.)

3. What's the weather like? - It's sunny and windy.

(Thời tiết thế nào? - Trời nắng và có gió.)

4. What do they like? - They like balloons.

(Họ thích gì? - Họ thích bóng bay.)

5. What time do you have breakfast? - I have breakfast at seven o'clock.

(Bạn ăn sáng lúc mấy giờ? - Tớ ăn sáng lúc 7 giờ.)